TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-7-2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Ngọc Đài;
2. Ông Trần Hữu Nghị;

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Trịnh Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lê A, sinh năm 1978; trú tại: Buôn W, xã H huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1982; nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Buôn W, xã H, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Lê A trình bày: Ông Lê A và bà Nguyễn Thị Thu T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến ngày 02/4/2018 thì đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2011, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn trong gia đình. Từ tháng 3/2019, bà T bỏ nhà đi và từ đó cho tới nay không có thông tin gì của bà T. Mặc dù, ông A đã dùng mọi biện pháp để tìm kiếm bà T nhưng không biết thông tin bà T hiện đang làm gì, ở đâu. Từ ngày 23/3/2023, sau khi Tòa án nhân dân huyện Krông Năng ban hành quyết định số 03/2023/QĐST-VDS về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với bà Nguyễn Thị Thu T thì vẫn không có tin tức gì của bà T, bà T không trở về địa phương. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung, cụ thể: cháu Lê Q, sinh ngày 17/11/2003; cháu Lê Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/11/2011, các con chung đều phát triển bình thường. Các con chung hiện tại

do ông A trực tiếp nuôi dưỡng từ ngày bà T bỏ đi. Nguyện vọng sau khi ly hôn thì ông A sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/11/2011 cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Đối với cháu Lê Quyền, sinh ngày 17/11/2003 đã đủ 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản xác minh ngày 09/6/2023 tại công an xã H, huyện N xác định: Từ ngày 23/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2023/QĐST-VDS về việc tuyên bố mất tích đối với bà Nguyễn Thị Thu T cho tới nay thì bà T không trở về địa phương, hiện tại bà T ở đâu chính quyền địa phương không nắm được.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Ông A với bà T là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 02/4/2018 tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2011, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn trong gia đình. Từ tháng 3/2019, bà T bỏ nhà đi và từ đó cho tới nay không có thông tin gì của bà T. Ngày 23/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố mất tích đối với bà Nguyễn Thị Thu T và từ đó cho tới nay vẫn không có thông tin gì của bà T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê A với bà Nguyễn Thị Thu T.

Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/11/2011 cho ông Lê A (bố) trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Thu T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đạt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu ly hôn nên nguyên đơn ông Lê A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện *"Ly hôn"* và bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại xã H, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 23/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tuyên bố mất tích đối với bà Nguyễn Thị Thu T và từ đó cho tới nay vẫn không có thông tin gì của bà T. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông A với bà T là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 02/4/2018 tại UBND xã L, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận kết hôn số 27/01. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của ông A và bà T là hợp pháp. Vì vậy, ông Lê A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Xét tình trạng hôn nhân của ông Lê A với bà Nguyễn Thị Thu T: Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, từ tháng 3/2019, bà T bỏ nhà đi và từ đó cho tới nay không có thông tin gì của bà T. Mặc dù, ông A đã dùng mọi biện pháp để tìm kiếm bà T nhưng không biết thông tin bà T hiện đang làm gì, ở đâu. Ngày 23/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã ra quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố mất tích đối với bà Nguyễn Thị Thu T và từ đó cho tới nay vẫn không có thông tin gì của bà T. Từ những căn cứ trên có thể khẳng định mục đích hôn nhân giữa ông A với bà T không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê A.

[2.2] Về con chung: Ông Lê A với bà Nguyễn Thị Thu T có 02 con chung: Cháu Lê Q, sinh ngày 17/11/2003; cháu Lê Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/11/2011, các con chung đều phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê A có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Hà. Đối với cháu Lê Q, sinh ngày 17/11/2003 đã đủ 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, cần giao cháu Lê Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/11/2011 cho ông Lê A (bố) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Thu T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn nên nguyên

đơn ông Lê A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê A về việc "Ly hôn". Cho ông Lê A được ly hôn bà Nguyễn Thị Thu T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/11/2011 cho ông Lê A (bố) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra để xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Thu T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Lê A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường và nơi họ cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng (02);
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- . . . . . ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Xuân Hải